

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam

Phát hành ngày : ___/___/2026

Ban hành kèm theo Quyết định : Số 2979/QĐ-CNNL ngày 10/4/2026

Chủ đầu tư
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ CHÍ TRẦN

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Gói thầu	Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam
E-TBMT	Thông báo mời thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VNĐ	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư “Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam” phát hành bộ Hồ sơ mời thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Tên gói thầu: Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam.

- Nội dung, khối lượng công việc: Nhằm phục vụ công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam - Chi tiết tại Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

2. Nguồn vốn: Chi phí Quản lý Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Giảm hạn hợp đồng thêm tối đa 02 năm).

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với

hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định HSMST, HSMT; đánh giá HSDST, HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu

phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyên nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyên nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyên nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Hạch toán tài chính độc lập;

b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, tại số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên: Không áp dụng.

- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.

- Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i ;

Y_i : Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

n : Số thành viên tham gia trong liên danh.

- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 3.1.

Mục 4. Sửa đổi, làm rõ HSMT

1. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp, Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

2. Làm rõ HSMT

Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại khoản 1 Mục 4 chương này.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong đấu thầu

1. Chi phí dự thầu: Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

2. Đồng tiền dự thầu: Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

3. Ngôn ngữ của HSDT: HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT phải bao gồm các thành phần sau:

1. Đơn dự thầu theo *Mẫu số 02* Chương III - Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo *Mẫu số 04* Chương III - Biểu mẫu;
3. Bảo lãnh dự thầu theo *Mẫu số 05A* hoặc *Mẫu số 05B* Chương III - Biểu mẫu;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
5. Bảng giá dự thầu theo *Mẫu số 11* Chương III - Biểu mẫu;
6. Các nội dung khác theo quy định của HSMT.

Mục 7. Giá dự thầu và giảm giá

1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.

b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 của HSMT.

2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất

lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Thời hạn có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu (**Theo E-TBMT**), HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo lãnh dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo lãnh dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên hệ thống.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: Thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành (áp dụng theo Mẫu thư bảo đảm dành cho Nhà thầu độc lập theo quy định tại HSMT này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu).

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 9.2; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 9.4 thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 9.2. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm

quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 9.4 thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo lãnh dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo lãnh dự thầu: **1.700.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu: **≥ 120 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

4. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 21 CDNT;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 25 CDNT;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng quy định của pháp luật dân sự.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại **Mẫu số 03** Chương III - Biểu mẫu.

2. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nộp HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.

2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.

3. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu.

4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.

Mục 12. Mở thầu

1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;
- Tổng số nhà thầu tham dự.

b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá);
- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Thời gian thực hiện gói thầu;

- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.

4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.

5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 13.1 CDNT.

6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.

14. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung

Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:

1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;
2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;
3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.

15. Xác định tính đáp ứng của HSDT

1. Bộ phận mua sắm sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 6 CDNT.

2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:

a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ, hàng hóa được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;

b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.

3. Bộ phận mua sắm phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định của HSMT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.

4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

16. Sai sót không nghiêm trọng

1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT thì Chủ đầu tư có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.

2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Chủ đầu tư, Bộ phận mua sắm có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Chủ đầu tư thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, Bộ phận mua sắm điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.

Mục 17. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Mục 18. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng.

Mục 19. Đánh giá HSDT

1. Bộ phận mua sắm áp dụng phương pháp đánh giá HSDT theo quy định sau:

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt;
- Đánh giá về kỹ thuật: Phương pháp Chấm điểm;
- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá tại Mục 1, Bộ phận mua sắm chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá HSDT.

3. **Quy trình 1** (áp dụng đối với phương pháp “Giá thấp nhất”).

Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II - Tiêu chuẩn

đánh giá HSDT;

Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính;

Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và thực hiện theo quy định việc so sánh, xếp hạng HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có);

Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Chủ đầu tư lập danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Mục 4 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):

Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bộ phận mua sắm tiến hành đánh giá HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Trường hợp HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

5. Nguyên tắc đánh giá HSDT:

Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của HSMT thì sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

Trường hợp thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên file scan tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu



✓

cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;

Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong HSDT phải chuẩn bị các tài liệu (bản gốc hoặc bản sao y công chứng/xác nhận) để đối chiếu tài liệu, chứng minh tài liệu với những Hồ sơ đã đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 20. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

4. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 21. Hủy thầu

1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:

a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;

b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT;

c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;

d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 21.1) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 1, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.

Mục 22. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu;

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Mã số thuế;
- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Điểm kỹ thuật (nếu có);
- Giá đánh giá (nếu có);
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu.
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa

chọn của từng nhà thầu.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 21.1, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.

Mục 23. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào làm việc liên quan đến hợp đồng (bao gồm đối chiếu tài liệu).

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 24. Thay đổi khối lượng dịch vụ

1. Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu tại Mẫu số 01 Chương III với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSĐT.

2. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

Mục 25. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức: Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 6 Chương V - Dự thảo hợp đồng kèm HSMT này. Nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 12 Chương V hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 27. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Văn phòng Tập đoàn, Tầng 10, số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội, fax: 024-38265942, điện thoại liên hệ: 024-38252526.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Đỗ Chí Thanh, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, fax: 024-38265942, điện thoại liên hệ: 024-38252526.

c) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Văn phòng Tập đoàn, tầng 10, số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội, fax: 024-38265942, điện thoại liên hệ: 024-38252526.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh, phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo **Mẫu số 04** Chương III – Biểu mẫu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu của hàng hóa và dịch vụ liên quan quy định tại **Mẫu số 11** Chương III – Biểu mẫu và không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này. Trường hợp phạm vi cung cấp chỉ bao gồm một đơn vị hàng hóa (một chiếc, một cái...) và không có dịch vụ liên quan thì nhà thầu không được liên danh với nhà thầu khác; trường hợp nhà thầu vẫn liên danh thì thỏa thuận liên danh được coi là không hợp lệ, nhà thầu sẽ bị loại;

2. Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;

3. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;

4. Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – CDNT;

5. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 9.3 Chương I. Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT. Thư bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại **Mẫu số 05A**, **Mẫu số 05B** Chương III – Biểu mẫu).

6. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo **Bảng số 01** Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VNĐ thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VNĐ để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của theo tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Bảng số 01

TT	Mô tả	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm	Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (năm 2025).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất (2023, 2024, 2025) so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 52,227 tỷ VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu đồng).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô với số lượng xe ≥ 63 xe ô tô (05 chỗ, 07 chỗ và 16 chỗ), thời gian cung cấp dịch vụ 24/7 bao gồm cả ngày nghỉ, Lễ, Tết và phạm vi thực hiện bao gồm cả phía Bắc và Nam trong cùng một hợp đồng (phía Bắc tối thiểu 47 xe, phía Nam tối thiểu 16 xe). (Tài liệu chứng minh: Bản chụp công chứng/chứng thực của hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô; Bản chụp công chứng/chứng thực Biên bản nghiệm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số **07A, 07B và 07C** Chương III - Biểu mẫu để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây (Bảng số 02):

Bảng số 02

STT	Vị trí công việc	Số lượng (Tối thiểu)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu __ năm)	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn (trình độ tối thiểu __)
1	Đội trưởng đội xe tại Hà Nội	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng (Làm đội trưởng đội xe/đội phó đội xe/trợ lý đội xe)	<ul style="list-style-type: none">- Tốt nghiệp từ trung cấp trở lên.- Có chứng chỉ/giấy chứng nhận đã tham gia khóa huấn luyện về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.- Có chứng chỉ/giấy chứng nhận đã tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc thẻ an toàn lao động.- Có phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm đóng thầu.- Có giấy khám sức khỏe xác nhận có đủ sức khỏe để lao động được cấp trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu.- Đã có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm làm đội trưởng đội

				<p>xe/đội phó đội xe/trợ lý đội xe của 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô có quy mô là ≥ 63 xe ô tô (xe 05 chỗ, 07 chỗ, 16 chỗ), thời gian cung cấp dịch vụ 24/7 (phía Bắc tối thiểu 47 xe, phía Nam tối thiểu 16 xe).</p> <p>(Tài liệu chứng minh: bản sao công chứng/chứng thực của Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô; bản sao công chứng/chứng thực Biên bản nghiệm thu/Biên bản chốt km; bản sao y hóa đơn tài chính tối thiểu 12 tháng liên tiếp tính đến thời điểm đóng thầu).</p>
2	Đội trưởng đội xe tại TP. Hồ Chí Minh	01 người	<p><i>Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng (Làm trợ lý/đội trưởng đội xe/đội phó đội xe)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp từ trung cấp trở lên. - Có chứng chỉ/giấy chứng nhận đã tham gia khóa huấn luyện về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy. - Có chứng chỉ/giấy chứng nhận đã tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc thẻ an toàn lao động. - Có phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm đóng thầu. - Có giấy khám sức khỏe xác nhận có đủ sức khỏe để lao động được cấp trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu. - Đã có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm làm đội trưởng đội xe/đội phó đội xe/trợ lý đội xe của 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô có quy mô là ≥ 63 xe ô tô (xe 05 chỗ, 07 chỗ, 16 chỗ), thời gian cung cấp dịch vụ 24/7 (phía Bắc tối thiểu 47 xe, phía Nam tối thiểu 16 xe). <p>(Tài liệu chứng minh: bản sao công chứng/chứng thực của Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô; bản sao công chứng/chứng thực Biên bản nghiệm thu/Biên bản chốt km; bản sao y hóa đơn tài chính tối thiểu 12 tháng liên tiếp tính</p>

				đến thời điểm đóng thầu.)
3	Nhân viên lái xe ô tô (Đội trưởng có thẻ kiêm nhiệm)	63 người	<i>Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ/ giấy chứng nhận đã tham gia khóa huấn luyện về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy. - Có chứng chỉ/ giấy chứng nhận đã tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc thẻ an toàn lao động. - Có phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm đóng thầu. - Có giấy phép lái xe (GPLX) từ hạng B trở lên (hoặc tương đương), trong đó tối thiểu 03 người có GPLX từ hạng D1 trở lên (hoặc tương đương) để điều khiển xe đến 16 chỗ, theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực từ 01/01/2025. - Có giấy khám sức khỏe xác nhận có đủ sức khỏe để lao động được cấp trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu; - Trong 63 nhân viên lái xe, có tối thiểu 01 nhân viên lái xe tốt nghiệp từ bằng nghề trở lên các chuyên ngành liên quan đến kỹ thuật xe ô tô: ô tô và xe chuyên dụng/cơ khí sửa chữa ô tô/sửa chữa ô tô/công nghệ ô tô...

Ghi chú: Các tài liệu chứng minh là Bản sao công chứng/chứng thực các bằng cấp, chứng chỉ/chứng nhận, giấy khám sức khỏe, lý lịch tư pháp còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo **Phương pháp sử dụng tiêu chí “Chấm điểm”**; Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm bao gồm thang điểm đánh giá 100 với phân bổ mức điểm tối đa cho

từng tiêu chuẩn đánh giá. HSDT có tổng số điểm đạt được từ 70 điểm trở lên và đạt điểm tối thiểu của các tiêu chí tổng quát trong phần đánh giá về mặt kỹ thuật sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
1	2	3	4
A	Năng lực của nhà thầu	6	
1	Kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô (Số năm kinh nghiệm cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô được chứng minh bằng bản sao công chứng của hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển/cho thuê xe ô tô; bản sao y hóa đơn tài chính). Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh đáp ứng yêu cầu này.		
1.1	Số năm kinh nghiệm cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô ≥ 15 năm	6	
1.2	Số năm kinh nghiệm cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô ≥ 10 năm và < 15 năm	4	
1.3	Số năm kinh nghiệm cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô ≥ 05 năm và < 10 năm	2	
1.4	Số năm kinh nghiệm cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô < 05 năm	0	
B	Yêu cầu về kỹ thuật	27	19
1	Nhà thầu có bản mô tả thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật.		
1.1	Nhà thầu có bản mô tả thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu	12	
1.2	Nhà thầu không có bản mô tả thông số kỹ thuật hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu	0	
2	Nhà thầu cam kết về chất lượng xe theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật		
2.1	Nhà thầu có đầy đủ cam kết theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu kỹ thuật	1	
2.2	Nhà thầu không có hoặc không cam kết đầy đủ theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật	0	
3	Kinh nghiệm của nhân sự		
3.1	Số lượng nhân sự lái xe đáp ứng ≥ 10 năm kinh nghiệm (Tài liệu chứng minh: Bản sao công chứng/chứng thực Giấy phép lái xe và bản sao y quyết định bổ nhiệm/phân công nhiệm vụ phù hợp với gói thầu). Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh đáp ứng yêu cầu này.		
	≥ 44 nhân sự đáp ứng	12	
	≥ 32 nhân sự và < 44 nhân sự đáp ứng	8	

	≥ 16 nhân sự và < 32 nhân sự đáp ứng	6	
	< 16 nhân sự đáp ứng	0	
3.2	<p>Trong 63 nhân viên lái xe phải có nhân viên lái xe sẵn sàng phụ trách kỹ thuật khi xe xảy ra sự cố, yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp bằng nghề trở lên các chuyên ngành liên quan đến kỹ thuật xe ô tô: ô tô và xe chuyên dụng/cơ khí sửa chữa ô tô/sửa chữa ô tô/công nghệ ô tô... (cung cấp bản sao công chứng/chứng thực); - Có chứng chỉ/giấy chứng nhận đã tham gia khóa huấn luyện về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy (cung cấp bản sao công chứng/chứng thực); - Có chứng chỉ/ giấy chứng nhận đã tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc thẻ an toàn lao động (cung cấp bản sao công chứng/chứng thực); - Có phiếu lý lịch tư pháp số 2 được cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm đóng thầu (cung cấp bản sao công chứng/chứng thực); - Có quyết định bổ nhiệm/phân công nhiệm vụ phù hợp với gói thầu (bản sao y). 	2	
	≥ 02 nhân sự đáp ứng	2	
	Có 01 nhân sự đáp ứng	1	
	Không có nhân sự đáp ứng	0	
C	Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện	28	20
1	<p>Nhà thầu đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và cung cấp tài liệu chứng minh, bao gồm: bản sao công chứng/chứng thực các chứng chỉ/chứng nhận còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu, hợp đồng với đơn vị cấp chứng chỉ/chứng nhận và bản sao y hóa đơn tài chính liên quan.</p> <p>Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh đáp ứng yêu cầu này.</p>		
1.1	Nhà thầu đáp ứng đầy đủ quy định tại mục 3.3 Chương IV	18	
1.2	Nhà thầu không có đầy đủ hệ thống đảm bảo chất lượng nhưng tối thiểu đáp ứng các mục b, c, d, g, h tại mục 3.3 Chương IV	13	
1.3	Không có chứng chỉ/chứng nhận hoặc có nhưng không đầy đủ	0	
2	Nhà thầu trình bày phương pháp tổ chức cung cấp dịch vụ theo yêu cầu tại Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật		
2.1	Nhà thầu trình bày đầy đủ, chi tiết theo tình hình sử dụng thực tế, rõ ràng, khoa học các nội dung yêu cầu	10	
2.2	Nhà thầu trình bày tương đối đầy đủ, chi tiết theo tình hình sử dụng thực tế, rõ ràng, khoa học các nội dung yêu cầu	7	

2.3	Nhà thầu trình bày chưa đầy đủ, không rõ ràng, chưa chi tiết và chưa khoa học các nội dung yêu cầu	5	
2.4	Nhà thầu không trình bày hoặc các nội dung không phù hợp	0	
D	Yêu cầu khác	39	27
1	Nhà thầu lập danh sách xe thuộc quyền sở hữu của nhà thầu và cung cấp bản sao công chứng/chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký xe để chứng minh. Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh đáp ứng yêu cầu này.		
1.1	Nhà thầu sở hữu $\geq 60\%$ số lượng xe cho thuê và đầy đủ tài liệu chứng minh.	20	
1.2	Nhà thầu sở hữu từ $\geq 40\%$ và $< 60\%$ số lượng xe cho thuê và đầy đủ tài liệu chứng minh.	14	
1.3	Nhà thầu sở hữu từ $\geq 20\%$ và $< 40\%$ số lượng xe cho thuê và đầy đủ tài liệu chứng minh.	10	
1.4	Nhà thầu sở hữu $< 20\%$ số lượng xe cho thuê hoặc không đầy đủ tài liệu chứng minh.	0	
2	Kinh nghiệm của nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng cho thuê xe ô tô/cung cấp dịch vụ vận chuyển khách trong khoảng thời gian từ 01/01/2023 tính đến thời điểm đóng thầu: - Nhà thầu đã hoàn thành hoặc đang thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô với quy mô mỗi hợp đồng ≥ 63 xe ô tô (xe 05 chỗ, 07 chỗ, 16 chỗ), thời gian cung cấp dịch vụ 24/7 (phía Bắc tối thiểu 47 xe, phía Nam tối thiểu 16 xe hợp đồng thực hiện dịch vụ liên tục tối thiểu 12 tháng tính tới thời điểm đóng thầu. Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh đáp ứng yêu cầu này. - Tài liệu chứng minh: + Bản sao công chứng/chứng thực của hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách/cho thuê xe ô tô; + Bản sao công chứng/chứng thực của Biên bản nghiệm thu/Biên bản chốt km; + Bản sao y Hóa đơn tài chính tối thiểu 12 tháng liên tiếp tính đến thời điểm đóng thầu.		
2.2	Có ≥ 03 hợp đồng.	16	
2.3	Có 02 hợp đồng.	11	
2.4	Có 01 hợp đồng.	8	
2.5	Không có hợp đồng hoặc có hợp đồng nhưng không đủ tài liệu chứng minh.	0	
3	Nhà thầu có trụ sở/văn phòng đại diện/chi nhánh tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tài liệu chứng minh: bản sao công chứng/chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh. Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh đáp ứng yêu cầu này.		
3.1	Có tài liệu chứng minh	3	

3.2	Không có tài liệu chứng minh	0	
	Tổng số điểm	100	70

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất để đánh giá về giá. Cách xác định giá thấp nhất được thực hiện như sau:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1.	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2.	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3.	Mẫu số 03. Giấy ủy quyền			X
4.	Mẫu số 04. Thỏa thuận liên danh			X
5.	Mẫu số 05A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)			X
6.	Mẫu số 05B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
7.	Mẫu số 06. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
8.	Mẫu số 07A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9.	Mẫu số 07B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10.	Mẫu số 07C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11.	Mẫu số 08. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
12.	Mẫu số 09. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
13.	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
14.	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X

PHẠM VI CUNG CẤP

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Thuê xe ô tô khu vực Phía Bắc (Thành phố Hà Nội)					
1	Ô tô Toyota Camry 5 chỗ hoặc tương đương	Được mô tả chi tiết tại Chương IV – Yêu cầu kỹ thuật	35	Chiếc	Thành phố Hà Nội	365 ngày
2	Ô tô Volkswagen Viloran Luxury		01	Chiếc		
3	Ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ hoặc tương đương		04	Chiếc		
4	Ô tô Toyota Land Cruiser 7 chỗ hoặc tương đương		05	Chiếc		
5	Ô tô Toyota Hiace hoặc tương đương		01	Chiếc		
6	Ô tô Hyundai Solati hoặc tương đương		01	Chiếc		
II	Thuê xe ô tô khu vực Phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh)					

1	Ô tô Toyota Camry 5 chỗ hoặc tương đương	Được mô tả chi tiết tại Chương IV - Yêu cầu kỹ thuật	12	Chiếc	Thành phố HCM	365 ngày
2	Ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ hoặc tương đương		01	Chiếc		
3	Ô tô Toyota Land Cruiser 7 chỗ hoặc tương đương		02	Chiếc		
4	Ô tô Toyota Hiace hoặc tương đương		01	Chiếc		

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]

Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*];

Bảo đảm dự thầu: ____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất nêu tại **Mẫu số 01** chương này.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo **Mẫu số 03** Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo **Mẫu số 03** Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo **Mẫu số 04** Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

f

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____ [Ghi tên thành viên liên danh]

Số đăng ký doanh nghiệp: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____ [Ghi tên thành viên liên danh]

Số đăng ký doanh nghiệp: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ n: _____ [Ghi tên thành viên liên danh]

Số đăng ký doanh nghiệp: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

S TT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
.		
...			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):** ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/ E-TBMT số ___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo

thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 9.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 9.2 CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 9.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):** ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]**Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu

liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 9.4 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 9.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong HSDT đáp ứng yêu cầu của HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 9.2 CDNT.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày

đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 9.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

		Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại				
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email	
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]											
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]											
...												
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]											

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình thương thảo hợp đồng.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	
2				
...	...			

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương II			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
<p>Ghi chú:</p> <p>(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.</p> <p>(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.</p> <p>Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).</p> <p>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.</p> <p>Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.</p> <p>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm</p>			

thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN*(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Ghi theo thông tin quy định tại Mẫu số 01 Chương III, phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật.
- Cột (8): Ngày/thời hạn hoàn thành do nhà thầu đề xuất.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5): Ghi theo thông tin quy định tại Mẫu số 01 Chương III, phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương IV - Yêu cầu về kỹ thuật.

Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Cột (7): Do nhà thầu tính toán và điền.

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên gói thầu: Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam.
- Địa điểm thực hiện: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- Yêu cầu về cung cấp dịch vụ: Nhằm phục vụ công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam;
- Thời gian thực hiện: 01 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Gia hạn hợp đồng thêm tối đa 02 năm);
- Nguồn vốn: Chi phí quản lý của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

2. Mục tiêu công việc:

Cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô bao gồm cả lái xe phục vụ nhu cầu đi lại công tác của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam. Nhà thầu thực hiện toàn bộ các công việc liên quan để hoàn thành công việc theo yêu cầu của HSMT này, đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có liên quan, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

3. Yêu cầu về kỹ thuật:

3.1 Yêu cầu chung

- Nhà thầu cung cấp dịch vụ cho thuê xe theo phương thức: Định mức sử dụng (km/tháng): 2.500km/tháng/xe; Định mức phụ trội (km/tháng): 950km/tháng/xe và nhân viên lái xe.
- Nhà thầu chi trả các chi phí liên quan:
 - + Đối với nhân viên lái xe: chi trả lương và các chi phí khác liên quan cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
 - + Đối với xe: xăng dầu, bảo dưỡng sửa chữa, bảo hiểm TNDS, đăng kiểm, phí sử dụng đường bộ, vé cầu đường bến bãi, phí ra vào sân bay.
 - + Nhà thầu phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về chất lượng xe và trình độ của các nhân viên lái xe khi thực hiện việc cung cấp dịch vụ.
 - + Thời gian cung cấp dịch vụ: Yêu cầu 24/24h trong ngày, tất cả các ngày trong tháng (bao gồm cả ngày Lễ, Tết).
 - Đảm bảo 100% số lượng xe cho thuê phải được sản xuất từ năm 2018 đến nay.
 - Toàn bộ xe cho thuê phải đảm bảo được kiểm định theo đúng các quy định của Nhà nước.
 - Toàn bộ xe cho thuê phải được bảo dưỡng định kỳ theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất.
 - Toàn bộ xe cho thuê chưa từng sử dụng phục vụ taxi (kinh doanh vận tải dịch vụ) và còn nguyên trạng (không thay đổi màu sơn, khoan, đục, cải tạo hay làm thay đổi kết cấu).
 - Khi xảy ra các vấn đề như hỏng hóc, sửa chữa thì nhà thầu phải chủ động có xe thay thế với chất lượng và loại xe tương đương để không làm gián đoạn việc cung cấp dịch vụ.

- Trường hợp nhân sự lái xe nghỉ việc hoặc nghỉ phép, nhà thầu ngay lập tức phải có nhân sự thay thế đáp ứng tiêu chuẩn theo yêu cầu của HSMT.

3.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

a. Yêu cầu về chất lượng xe

- Bảng mô tả thông số kỹ thuật của xe cho thuê đáp ứng thông số kỹ thuật cơ bản như sau, cụ thể:

TT	Loại phương tiện	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (km/tháng)	Phụ trội (km/tháng)
I	Xe ô tô khu vực Phía Bắc					
1	Ô tô 05 chỗ ngồi	<ul style="list-style-type: none"> -Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1580 x 1590 (mm) -Kích thước bao: 4920 x 1840 x 1445 (mm) -Khoảng cách trục: 2825 (mm) -Khối lượng bản thân: 1653 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2100/2100 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2487 (cm³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 137(kW)/6000rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 235/45R18 	Chiếc	35	2.500	950
	<ul style="list-style-type: none"> -Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1580 x 1605 (mm) -Kích thước bao: 4885 x 1840 x 1445 (mm) -Khoảng cách trục: 2825 (mm) -Khối lượng bản thân: 1565 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2030/2030 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2487 (cm³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 154(kW)/6600rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 235/45R18 					
	<ul style="list-style-type: none"> -Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1580 x 1605 (mm) -Kích thước bao: 4885 x 1840 x 1445 (mm) -Khoảng cách trục: 2825 (mm) -Khối lượng bản thân: 1560 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2030/2030 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2494 (cm³) 					

TT	Loại phương tiện	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (km/tháng)	Phụ trội (km/tháng)
		<p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 135(kW)/6000rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 235/45R18</p>				
		<p>-Công thức bánh xe: 4x2</p> <p>-Vết bánh xe: 1580 x 1570 (mm)</p> <p>-Kích thước bao: 4850 x 1825 x 1470 (mm)</p> <p>-Khoảng cách trục: 2775 (mm)</p> <p>-Khối lượng bản thân: 1498 (kg)</p> <p>-Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2000/2000 (kg)</p> <p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 2494 (cm3)</p> <p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 135(kW)/6000rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 215/55R17</p>				
		<p>-Công thức bánh xe: 4x2</p> <p>-Vết bánh xe: 1580 x 1590 (mm)</p> <p>-Kích thước bao: 4920 x 1840 x 1445 (mm)</p> <p>-Khoảng cách trục: 2825 (mm)</p> <p>-Khối lượng bản thân: 1535 (kg)</p> <p>-Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2030/2030 (kg)</p> <p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 1987 (cm3)</p> <p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 126(kW)/6600rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 235/45R18</p>				
		<p>-Công thức bánh xe: 4x2</p> <p>-Vết bánh xe: 1600 x 1625 (mm)</p> <p>-Kích thước bao: 4885 x 1840 x 1445 (mm)</p> <p>-Khoảng cách trục: 2825 (mm)</p> <p>-Khối lượng bản thân: 1515 (kg)</p> <p>-Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2030/2030 (kg)</p> <p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 1987 (cm3)</p>				
		<p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 127(kW)/6600rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 205/65R16</p>				
		<p>-Công thức bánh xe: 4x2</p>				

TT	Loại phương tiện	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (km/tháng)	Phụ trội (km/tháng)
		<ul style="list-style-type: none"> -Vết bánh xe: 1590 x 1615 (mm) -Kích thước bao: 4885 x 1840 x 1445 (mm) -Khoảng cách trục: 2825 (mm) -Khối lượng bản thân: 1520 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2030/2030 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 1998 (cm³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 123(kW)/6500rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 215/55R17 				
2	Ô tô 07 chỗ ngồi	<ul style="list-style-type: none"> -Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1704 x 1721 (mm) -Kích thước bao: 5346 x 1976 x 1781 (mm) -Khoảng cách trục: 3180 (mm) -Khối lượng bản thân: 2190 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2750/2750 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 1984 (cm³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 162(kW)/6700rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 235/50R20 	Chiếc	01	2.500	950
3	Ô tô 07 chỗ ngồi	<ul style="list-style-type: none"> -Công thức bánh xe: 4x4 -Vết bánh xe: 1545 x 1555 (mm) -Kích thước bao: 4795 x 1855 x 1835 (mm) -Khoảng cách trục: 2745 (mm) -Khối lượng bản thân: 2025 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2620 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2694 (cm³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 122(kW)/5200rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 265/60R18 	Chiếc	04	2.500	950
4	Ô tô 07 chỗ ngồi	<ul style="list-style-type: none"> -Công thức bánh xe: 4x4 -Vết bánh xe: 1665 x 1670 (mm) -Kích thước bao: 4965 x 1980 x 1945 (mm) -Khoảng cách trục: 2850 (mm) -Khối lượng bản thân: 2520 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2520 (kg) 	Chiếc	05	2.500	950

TT	Loại phương tiện	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (km/tháng)	Phụ trội (km/tháng)
		<p>LN: 3230/3230 (kg)</p> <p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 3445 (cm³)</p> <p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 305(kW)/5200rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 265/55R20</p>				
		<p>-Công thức bánh xe: 4x4</p> <p>-Vết bánh xe: 1650 x 1645 (mm)</p> <p>-Kích thước bao: 4950 x 1980 x 1910 (mm)</p> <p>-Khoảng cách trục: 2850 (mm)</p> <p>-Khối lượng bản thân: 2625 (kg)</p> <p>-Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 3350/3350 (kg)</p> <p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 4608 (cm³)</p> <p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 227(kW)/5500rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 285/60R18</p>				
		<p>-Công thức bánh xe: 4x4</p> <p>-Vết bánh xe: 1650 x 1645 (mm)</p> <p>-Kích thước bao: 4950 x 1980 x 1970 (mm)</p> <p>-Khoảng cách trục: 2850 (mm)</p> <p>-Khối lượng bản thân: 2625 (kg)</p> <p>-Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 3350/3350 (kg)</p> <p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 4608 (cm³)</p> <p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 227(kW)/5500rpm</p> <p>-Loại nhiên liệu: xăng</p> <p>-Cỡ lốp: 285/60R18</p>				
5	Ô tô 16 chỗ ngồi	<p>-Công thức bánh xe: 4x2</p> <p>-Vết bánh xe: 1712/1718(mm)</p> <p>-Kích thước bao: 6195 x 2038 x 2760 (mm)</p> <p>-Khoảng cách trục: 3670 (mm)</p> <p>-Khối lượng bản thân: 2735 (kg)</p> <p>-Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 4000/4000(kg)</p>	Chiếc	01	2500	950
		<p>-Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 15 chỗ ngồi</p> <p>-Thể tích làm việc của động cơ: 2497 (cm³)</p> <p>-Công suất lớn nhất/tốc độ quay:</p>				

TT	Loại phương tiện	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (km/tháng)	Phụ trội (km/tháng)
		125(kW)/3600rpm -Loại nhiên liệu: diesel				
6	Ô tô 15 chỗ ngồi	-Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1665/1650 (mm) -Kích thước bao: 5380 x 1880 x 2285 (mm) -Khoảng cách trục: 3110 (mm) -Khối lượng bản thân: 2125 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 3300/3300(kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 14 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2982 (cm3) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 100(kW)/3400rpm -Loại nhiên liệu: diesel -Cỡ lốp: 195/R15	Chiếc	01	2.500	950
II Xe ô tô khu vực Phía Nam						
1	Ô tô 05 chỗ ngồi	-Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1580 x 1590 (mm) -Kích thước bao: 4920 x 1840 x 1445 (mm) -Khoảng cách trục: 2825 (mm) -Khối lượng bản thân: 1653 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2100/2100 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2487 (cm3) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 137(kW)/6000rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 235/45R18	Chiếc	12	2.500	950
		-Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1580 x 1605 (mm) -Kích thước bao: 4885 x 1840 x 1445 -Khoảng cách trục: 2825 (mm) -Khối lượng bản thân: 1560 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2030/2030 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 04 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2494 (cm3) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 135(kW)/6000rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 235/45R18				
2	Ô tô 7 chỗ ngồi	-Công thức bánh xe: 4x4 -Vết bánh xe: 1545 x 1555 (mm)	Chiếc	01	2.500	950

TT	Loại phương tiện	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (km/tháng)	Phụ trội (km/tháng)
		-Kích thước bao: 4795 x 1855 x 1835 (mm) -Khoảng cách trục: 2745 (mm) -Khối lượng bản thân: 2025 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2620 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2694 (cm ³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 122(kW)/5200rpm -Loại nhiên liệu: xăng				
3	Ô tô 7 chỗ ngồi	-Công thức bánh xe: 4x4 -Vết bánh xe: 1665 x 1670 (mm) -Kích thước bao: 4965 x 1980 x 1945 (mm) -Khoảng cách trục: 2850 (mm) -Khối lượng bản thân: 2520 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 3230/3230 (kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 06 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 3445 (cm ³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 305(kW)/5200rpm -Loại nhiên liệu: xăng -Cỡ lốp: 265/55R20	Chiếc	02	2.500	950
4	Ô tô 15 chỗ ngồi	-Công thức bánh xe: 4x2 -Vết bánh xe: 1665/1650 (mm) -Kích thước bao: 5380 x 1880 x 2285 (mm) -Khoảng cách trục: 3110 (mm) -Khối lượng bản thân: 2125 (kg) -Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 3300/3300(kg) -Số người cho phép chở (không bao gồm người lái): 14 chỗ ngồi -Thể tích làm việc của động cơ: 2982 (cm ³) -Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 100(kW)/3400rpm -Loại nhiên liệu: diesel -Cỡ lốp: 195/R15	Chiếc	01	2500	950

b. Phương pháp thực hiện

Nhà thầu có phương pháp tổ chức cung cấp dịch vụ bao gồm các nội dung sau:

- Quy trình phối hợp điều động xe ô tô.
- Quy trình sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô.
- Hướng dẫn đón trả khách dành cho nhân viên lái xe.
- Quy định về công tác dọn xe trước và sau khi đón trả khách.

- Quy định công tác bàn giao xe ô tô.
- Quy định công tác quản lý và sử dụng xe ô tô.
- Sổ tay dành cho nhân viên lái xe.
- Nhà thầu có bình chữa cháy để trang bị cho xe ô tô từ 10 chỗ trở lên. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh bao gồm bản sao y hóa đơn mua hàng hóa và giấy kiểm định bình do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Nhà thầu có danh mục và có cam kết sẽ trang bị trên tất cả các xe ô tô: bơm lốp, dây câu, bộ dụng cụ, biển cảnh báo nguy hiểm, dụng cụ thoát hiểm.

3.3. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng

Nhà thầu đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và cung cấp tài liệu chứng minh, bao gồm: bản sao y được chứng thực các chứng chỉ/chứng nhận còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu, hợp đồng với đơn vị cấp chứng chỉ/chứng nhận và bản sao y hóa đơn tài chính liên quan:

- a. Áp dụng tiêu chuẩn thực hành tốt 5S trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận chuyển.
- b. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- c. Áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- d. Áp dụng hệ thống quản lý rủi ro ISO 31000:2018 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- e. Áp dụng hệ thống quản lý kinh doanh liên tục theo tiêu chuẩn ISO 22301:2019 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- f. Áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- g. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- h. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2022 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- i. Áp dụng hệ thống quản lý cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn ISO 41001:2018 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển.

3.4. Yêu cầu khác

- Nhà thầu lập danh sách xe thuộc sở hữu của nhà thầu và cung cấp bản sao công chứng/chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký xe để chứng minh quyền sở hữu.
- Các xe phải đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật theo yêu cầu HSMT và được huy động, bố trí phục vụ trực tiếp cho gói thầu này.
- Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm đối với những xe thuê của bên thứ ba (nếu có) khi có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến tài sản.

- Nhà thầu phải có trụ sở/văn phòng đại diện/chi nhánh tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tài liệu chứng minh: bản sao công chứng/chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc tài liệu tương đương).

- Do tính chất công việc của Tập đoàn thường xuyên làm việc tại trụ sở các Cơ quan Chính phủ, Nhà nước, Bộ ban ngành... nơi có quy định kiểm soát và có thể hạn chế một số loại phương tiện kinh doanh vận tải, xe hợp đồng hoặc xe công nghệ vào khu vực nội bộ (Ví dụ: taxi, xe công nghệ, xe hợp đồng...), nhà thầu phải có phương án tổ chức phương tiện phù hợp và cam kết bảo đảm việc đưa đón cán bộ được thực hiện thông suốt, đúng địa điểm, không làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

- Dịch vụ theo yêu cầu: Trong trường hợp phát sinh dịch vụ thuê xe ngoài số lượng nêu tại HSMT (nếu có), Chủ Đầu tư có yêu cầu cung cấp dịch vụ (bằng văn bản, email...), nhà thầu báo giá và nhận được sự chấp thuận của Chủ Đầu tư để thực hiện việc cung cấp dịch vụ theo yêu cầu. Nhà thầu phải đảm bảo có sự phối hợp, thống nhất trong quá trình cung cấp dịch vụ.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương IV, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

5.1. Quy định về kiểm tra

- Trước khi ký kết hợp đồng:

+ Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, đối chiếu thực tế phương tiện dự kiến bố trí thực hiện gói thầu nhằm bảo đảm phù hợp với nội dung đề xuất trong E-HSĐT. Trường hợp phát hiện phương tiện không đáp ứng hoặc không phù hợp với E-HSĐT đã nộp, Chủ đầu tư có quyền từ chối ký kết hợp đồng và xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

+ Nhà thầu chỉ được phép thay thế tối đa 07 nhân sự trên tổng số 63 nhân sự lái xe đã đề xuất trong HSĐT; Các nhân sự thay thế phải có trình độ, năng lực và kinh nghiệm tương đương. Trường hợp vượt quá tỷ lệ này, Chủ đầu tư có quyền từ chối ký kết hợp đồng.

5.2. Quy định về nghiệm thu sản phẩm

Nhà thầu chuẩn bị để phục vụ công tác thanh toán hàng tháng sau khi kết thúc tháng dịch vụ, gồm tối thiểu các yêu cầu sau:

- Biên bản chốt Km sử dụng xe trong tháng có xác nhận của đại diện 02 Bên;

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: /

Gói thầu: Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kì họp thứ 7 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Biên bản
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-CNNL ngày / /2025 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói thầu “Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam”.
- Nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, Chúng tôi gồm:

1. TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Tp Hà Nội

Điện thoại: 04. 38252526

Fax: 04. 38265942

Tài khoản:

Tại:

MST:

Đại diện: Chức vụ:

2. (sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

MST:

Tài khoản:

Tại: Ngân hàng

Đại diện: Ông Chức vụ:

Chức vụ:

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các Bên, hai Bên thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ với những điều khoản như sau (sau đây gọi là Hợp đồng):

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý Cung cấp dịch vụ Thuê xe ô tô phục vụ nhu cầu công việc của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại phía Bắc và phía Nam (*Chi tiết như Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Hợp đồng này có thể được xem xét, gia hạn hàng năm nhưng tối đa thời gian gia hạn thêm là hai (02) năm và việc gia hạn hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều khoản gia hạn hợp đồng.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

Điều 3. Gia hạn hợp đồng

- Trước thời điểm kết thúc hợp đồng hàng năm ít nhất 45 ngày, Bên B gửi văn bản cho Bên A đề xuất gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và đề xuất danh mục cung cấp dịch vụ cho năm tiếp theo để các Bên xem xét, thương thảo hợp đồng làm cơ sở ký kết Phụ lục hợp đồng cho năm tiếp theo.
- Trường hợp đến thời điểm kết thúc hợp đồng hàng năm, Bên A không có nhu cầu tiếp tục thuê Bên B hoặc Bên B không có đủ năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, Hợp đồng sẽ hết hiệu lực theo quy định tại hợp đồng đã ký.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và Điều khoản thanh toán

- Giá trị Hợp đồng (Đã bao gồm Thuê bao, phụ trội và VAT) là:
.....;
- Đơn giá thuê xe tháng bao gồm: Đơn giá thuê bao, phụ trội (km/tháng) đối với từng loại xe được quy định tại Phụ lục theo Hợp đồng này.
- Đơn giá thuê bao và đơn giá phụ trội đã bao gồm các chi phí:
 - + Lương lái xe, công tác phí, chi phí lưu trú của lái xe khi đi công tác ngoại tỉnh.
 - + Nhiên liệu, đăng kiểm, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo dưỡng, sửa chữa.
 - + Phí cầu đường, phí đường bộ, bến bãi đậu xe, phí ra vào sân bay.
 - + Phí quản lý và các chi phí khác (nếu có)
 - + Thuế giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước.
- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản đến tài khoản ghi trên Hợp đồng;

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

5.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Được sử dụng các dịch vụ nêu tại Điều 1 của hợp đồng với đúng chất lượng dịch vụ do Bên B cam kết.
- Có quyền đánh giá, khiếu nại chất lượng dịch vụ do Bên B cung cấp.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Bên B thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng.

- Bố trí văn phòng làm việc (bao gồm cấp miễn phí điện nước) cho nhân viên quản lý và lái xe của Bên B và thông tin liên lạc (đường dây điện thoại cố định nội bộ thông qua tổng đài, mạng), chỗ để xe cho các xe của Bên B làm công tác phục vụ thường xuyên nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ theo Hợp đồng.

5.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này với chất lượng dịch vụ tốt nhất trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A danh sách xe ô tô trước khi đưa vào sử dụng phục vụ công việc của Bên A kèm theo Biên bản xác nhận chỉ số km thực tế (Đảm bảo 100% số lượng xe cho thuê phải được sản xuất từ năm 2018 đến 2025 theo Hồ sơ mời thầu được phê duyệt).

- Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho ô tô theo quy định của Pháp luật.

- Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ mọi tổn thất hay thương tật gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe hay thiệt hại về tài sản, vật chất khi khách lưu hành trên xe mà nguyên nhân được xác định do lỗi của Bên B. Bên B được loại trừ đối với những hư hỏng, thiệt hại xảy ra khi nguyên nhân được xác định là do lỗi của Bên A hay một Bên thứ 3 gây ra.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

Đối với năm thứ nhất:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng có hiệu lực;
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam;
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trúng thầu;
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 390 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Đối với các năm tiếp theo:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi ký phụ lục hợp đồng cho năm tiếp theo.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá trị Phụ lục hợp đồng năm tiếp theo.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: [Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ không được hoàn trả cho Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Bảo mật thông tin

- Bên B cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan đến Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin mà Bên Cung cấp dịch vụ có được theo Hợp đồng này hoặc bất kỳ thông tin liên quan nào khác.
- Bên B không được tiết lộ, sử dụng hay cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

Điều 8. Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng mà không có lý do chính đáng. Bên nào vi phạm các điều khoản điều kiện của Hợp đồng này sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành, bảo hiểm v.v... theo mức phạt do Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế nhưng không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
- Nếu việc thực hiện Hợp đồng này bị chậm trễ do lỗi của Bên B thì Bên B sẽ chịu phạt theo mức 5% (năm phần trăm) giá trị hàng hóa bị chậm cho mỗi tuần chậm trễ;
- Trường hợp Bên A chậm thanh toán tiền cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B số tiền phạt bằng số tiền trả chậm nhân với số ngày trả chậm nhân với lãi suất tiền vay quá kỳ hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm chậm thanh toán.

Điều 9. Vi phạm, Giải quyết tranh chấp và Bồi thường thiệt hại

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu Bên nào vi phạm một trong những điều khoản đã được thỏa thuận tại Hợp đồng thì phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ những thiệt hại đối với Bên kia theo quy định của pháp luật.
- Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì hai Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau bằng văn bản trong vòng 15 ngày để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần đôi bên cùng có lợi;
- Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, các Bên có quyền đưa ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết. Án phí do bên thua kiện chịu.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày
- Hợp đồng được lập thành 4 bộ, Chủ đầu tư giữ 2 bộ, Nhà thầu giữ 2 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

DANH MỤC THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo biểu mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSMT và các thỏa thuận đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc].

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Kính gửi: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ mời thầu (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.